

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính gắn với đột phá
phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn
tỉnh Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu đổi mới, giai đoạn 2025 - 2030

Giai đoạn 2021-2025, công tác cải cách hành chính gắn với đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số luôn được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ, đạt được nhiều kết quả tích cực. Tổ chức bộ máy hệ thống chính trị được sắp xếp tinh, gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; công tác cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số được thúc đẩy mạnh mẽ, khá toàn diện góp phần xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, phục vụ Nhân dân.

Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện chưa có nhiều mô hình, giải pháp đổi mới, sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong cải cách hành chính; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu số trong cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, còn thiếu đồng bộ, chưa hiệu quả; hạ tầng, công nghệ số một số nơi chậm nâng cấp, chưa đáp ứng được yêu cầu; năng lực, trình độ một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức nhất là ở cấp cơ sở chưa theo kịp tiến trình chuyển đổi số, yêu cầu nhiệm vụ xây dựng chính quyền kiến tạo, phục vụ người dân, doanh nghiệp; một bộ phận người dân nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chưa có điều kiện tiếp cận và thụ hưởng các tiện ích dịch vụ công cơ bản thiết yếu trên môi trường điện tử, chưa đủ kỹ năng số tham gia rộng rãi các hoạt động kinh tế số, xã hội số... dẫn đến chưa tạo được đột phá trong xây dựng chính quyền số; tỷ trọng kinh tế số/GRDP thấp; khoảng cách phát triển xã hội số giữa các vùng, các nhóm dân cư ngày càng lớn; chỉ số năng lực cạnh tranh thấp; chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước chưa cao; chỉ số cải cách hành chính thiếu ổn định; tác động của cải cách hành chính vào phát triển kinh tế - xã hội chưa rõ nét.

Nguyên nhân của những hạn chế có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan:
(1) Nguyên nhân khách quan: Thiên tai, dịch bệnh, biến động kinh tế - xã hội trong thời gian qua làm gián đoạn, ảnh hưởng đến tiến độ và điều kiện triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính; một số quy định của pháp luật về thủ tục hành chính chưa đồng bộ, chậm được sửa đổi, bổ sung; hạ tầng kinh tế - xã hội và hạ tầng số ở một số địa bàn vùng sâu, vùng xa còn khó khăn; (2) Nguyên nhân chủ quan: Nhận thức của một số cấp ủy, người đứng đầu về vai trò và tầm quan trọng của cải cách hành chính chưa đầy đủ; chỉ đạo, điều hành có lúc, có việc chưa quyết liệt; công tác phối hợp giữa

các cơ quan, đơn vị trong tham mưu và tổ chức thực hiện còn thiếu đồng bộ, một số nơi chưa chủ động; nguồn lực dành cho ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và kỷ luật, kỷ cương hành chính một số nơi chưa nhiều, cải cách thủ tục hành chính triển khai chưa tập trung; năng lực số của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu; công tác đào tạo, bồi dưỡng hiệu quả chưa cao.

I- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy Đảng đối với công tác cải cách hành chính gắn với đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; coi đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, phải được thực hiện quyết liệt, thường xuyên, liên tục trong toàn hệ thống chính trị. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện quyết liệt và chịu trách nhiệm về việc triển khai toàn diện, đồng bộ và hiệu quả các lĩnh vực cải cách hành chính gắn với các nhiệm vụ, giải pháp đột phá về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

2. Các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thống nhất nhận thức và hành động về mục tiêu của cải cách hành chính xác định cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động của cơ quan hành chính và sự phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Công tác cải cách hành chính phải bảo đảm công khai, minh bạch, đề cao trách nhiệm giải trình, gắn với giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và sự tham gia đánh giá rộng rãi của người dân, doanh nghiệp.

3. Các nội dung cải cách hành chính phải được triển khai đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương; kết quả phải thực chất, được lượng hóa và tạo tác động tích cực nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, phát huy vai trò của hệ thống chính trị và sự tham gia của người dân, doanh nghiệp. Đẩy mạnh cải cách thể chế, thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tạo môi trường quản trị công khai, minh bạch, thuận lợi, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Phần đầu tỉnh Tuyên Quang xếp hạng từ 15 đến 20/34 tỉnh, thành phố về Chỉ số cải cách hành chính; mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 95%; mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90%.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Về cải cách thể chế

Đột phá hoàn thiện thể chế chính sách, nâng cao năng lực quản trị của chính quyền hai cấp; phấn đấu 100% văn bản quy phạm pháp luật ban hành đúng thẩm quyền, đúng tiến độ, bảo đảm hợp pháp, khả thi. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác xây dựng và thi hành pháp luật theo Nghị quyết 66-NQ/TW; tăng cường kiểm soát quyền lực, công khai, minh bạch và xử lý nghiêm tiêu cực, lợi ích nhóm trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo Quy định 178-QĐ/TW.

2.2. Về cải cách thủ tục hành chính

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính: hàng năm duy trì 100% thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp xã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; trên 80% hồ sơ trực tuyến; 100% thủ tục hành chính có nghĩa vụ tài chính thanh toán trực tuyến với tỷ lệ giao dịch đạt từ 80% trở lên. Thực hiện 100% thủ tục hành chính nội bộ trên môi trường điện tử; cắt giảm 50% thời gian và 50% chi phí tuân thủ đối với thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất - kinh doanh; tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn đạt từ 95% trở lên; 100% giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính trên toàn tỉnh.

- Xây dựng, hoàn thiện và khai thác hiệu quả dữ liệu số: Hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối, chia sẻ thời gian thực với các cơ sở dữ liệu quốc gia; 100% thông tin, giấy tờ của doanh nghiệp chỉ cung cấp một lần. Tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính theo hướng số hóa, ưu tiên thẩm quyền cấp tỉnh, cấp xã; đẩy mạnh sử dụng dữ liệu số phục vụ chỉ đạo, điều hành và cung ứng dịch vụ công liên thông giữa 2 cấp chính quyền.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95% (trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%).

2.3. Về cải cách tổ chức bộ máy

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và phương thức làm việc của các cơ quan hành chính nhà nước ở cấp tỉnh và cấp xã; đẩy mạnh đổi mới, cải tiến lề lối làm việc nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tăng cường phân quyền, phân cấp theo tinh thần “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

- Đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; tiếp tục giảm mạnh tổ chức bên trong và các tổ chức trung gian của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; thực hiện giảm bình quân 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025. Tiếp tục kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập nâng cao hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ công cơ bản, thiết yếu, đa ngành, đa lĩnh vực ở cấp xã theo chỉ đạo của Trung ương.

2.4. Về cải cách chế độ công vụ

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý: 25% - 35% số lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, trên 30% số lãnh đạo, quản lý cấp phòng trực thuộc sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, 80% số lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế. 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp xã được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và hội nhập quốc tế.

- Phần đầu 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công của tỉnh có hiểu biết về chuyển đổi số, kiến thức và kỹ năng số, sử dụng tốt các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc.

2.5. Về cải cách tài chính công

- Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật để đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021-2025 gắn với tăng cường tự chủ tài chính; rà soát, thống kê 100% tài sản công thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau sắp xếp, tham mưu quản lý sử dụng đúng quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả

- Cơ cấu lại chi ngân sách theo hướng giảm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển; bảo đảm 100% hiện trạng quản lý, sử dụng, bảo quản tài sản công trước và sau sắp xếp đơn vị hành chính được đánh giá đầy đủ, minh bạch.

2.6. Về xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Đẩy mạnh cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm duy trì 100% dịch vụ công truy cập đa phương tiện, 100% văn bản và hồ sơ công việc xử lý toàn trình trên môi trường điện tử, an toàn thông tin, an ninh mạng; 70% hoạt động kiểm tra được thực hiện trên môi trường số; tối thiểu 95% người trưởng thành có tài khoản ngân hàng phục vụ giao dịch số.

- Triển khai đồng bộ chuyển đổi số, kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu theo khung kiến trúc và quản trị dữ liệu quốc gia; thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu, nhiệm vụ về đột phá khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng

- Quán triệt, triển khai kịp thời các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về cải cách hành chính, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cụ thể hóa vào chương trình, kế hoạch của cơ quan, đơn vị, bảo đảm đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nắm vững chủ trương, mục tiêu, yêu cầu, phương thức thực hiện, hình thành sự thống nhất về nhận thức,

hành động trong toàn hệ thống chính trị, góp phần thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

- Quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả cải cách hành chính, chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị. Thực hiện việc đánh giá, xếp loại người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức hằng năm gắn với kết quả các chỉ số cải cách hành chính, chuyển đổi số, coi đây là tiêu chí bắt buộc trong công tác thi đua, khen thưởng và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực trong thực thi công vụ; công khai kết quả kiểm tra, xếp hạng cải cách hành chính và chuyển đổi số nhằm tạo động lực phấn đấu, cạnh tranh lành mạnh giữa các cơ quan, đơn vị.

- Xây dựng và thực hiện chương trình phối hợp giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã với chính quyền cấp tỉnh, cấp xã nâng cao vai trò giám sát và phản biện xã hội trong lĩnh vực cải cách hành chính, chuyển đổi số. Tổ chức lấy ý kiến, tiếp thu, phản hồi kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã, các đoàn thể, cơ quan báo chí và Nhân dân đối với chủ trương, chính sách, kế hoạch có liên quan; công khai kết quả thực hiện, tạo kênh trao đổi thông tin đa chiều, góp phần nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

2. Nâng cao chất lượng xây dựng thể chế, hoàn thiện chính sách và môi trường pháp lý hiện đại

- Xác định xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật là “đột phá của các đột phá” trong cải cách hành chính; bảo đảm văn bản quy phạm pháp luật phù hợp thực tiễn, đồng bộ, khả thi, minh bạch và đáp ứng yêu cầu mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

- Thực hiện số hóa toàn bộ quy trình xây dựng, ban hành, rà soát và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; các cơ quan, đơn vị thực hiện phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền trong từng khâu soạn thảo, thẩm định, ban hành và theo dõi thi hành. Thiết lập cơ chế phối hợp liên thông giữa các cơ quan trong quá trình soạn thảo, góp ý, thẩm định, nhằm bảo đảm tiến độ, chất lượng và tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Tổ chức giám sát và đánh giá định kỳ chất lượng văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ văn bản không còn phù hợp với quy định của Trung ương và thực tiễn địa phương. Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong công tác đánh giá tác động chính sách, xây dựng kịch bản điều hành phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số của tỉnh giai đoạn 2025-2030.

3. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm

- Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính và chuẩn hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính: thường xuyên rà soát, đánh giá tác động và thực hiện nghiêm các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính đã phê duyệt; công bố,

công khai đầy đủ, kịp thời thủ tục hành chính theo quy định. Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực trọng điểm như đất đai, xây dựng, đầu tư, thuế, bảo hiểm xã hội; rút ngắn quy trình, giảm chi phí, tạo thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp. Hoàn thành tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp và thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp tỉnh, cấp xã theo đúng yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh số hóa và nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công trực tuyến: Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình gắn với cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” điện tử; số hóa và tích hợp đầy đủ dữ liệu trên nền tảng dữ liệu chung; thiết lập cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành và hệ thống thông tin của tỉnh, bảo đảm quy trình xử lý hồ sơ minh bạch, thống nhất, nhanh chóng. Nâng cao năng lực Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thông qua đào tạo kỹ năng số, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin và chuẩn hóa quy trình số hóa. Áp dụng các nền tảng và công cụ số (QR code, chatbot AI, Big Data) để cung cấp, theo dõi và đánh giá chất lượng dịch vụ công, nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

4. Tiếp tục kiện toàn bộ máy hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn tiếp theo

- Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập từ cấp tỉnh đến cấp xã theo hướng tinh gọn; khắc phục chồng chéo chức năng, nhiệm vụ; vận hành hiệu quả mô hình chính quyền địa phương hai cấp gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền rõ ràng, bảo đảm quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả.

- Thực hiện phân cấp, phân quyền cho cấp xã trong quản lý tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và công vụ; thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ, nâng cao trách nhiệm giải trình của chính quyền địa phương đối với cơ quan cấp trên và Nhân dân.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu đa ngành, đa lĩnh vực cấp xã; ban hành danh mục dịch vụ công đủ điều kiện xã hội hóa; phân định rõ phần Nhà nước trực tiếp cung cấp và phần giao doanh nghiệp, tổ chức ngoài công lập; áp dụng đấu thầu, đặt hàng và đối tác công - tư (PPP), quy định tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế kiểm tra, giám sát, khung giá dịch vụ công khai, minh bạch.

- Rà soát, thống kê và đánh giá đầy đủ hiện trạng tài sản công trước và sau sắp xếp đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm số liệu chính xác, minh bạch; đề xuất phương án quản lý, khai thác và xử lý tài sản công hiệu quả, đúng quy định.

5. Kế thừa và phát huy kết quả đạt được, đẩy mạnh đổi mới chế độ công vụ, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức số - sáng tạo - chuyên nghiệp

- Triển khai đồng bộ công tác quản lý, tuyển dụng, sử dụng và bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm; đổi mới phương thức đánh giá cán bộ, công chức, viên chức dựa trên kết quả, sản phẩm đầu ra, bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan.

- Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; mỗi cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch bồi dưỡng hằng năm phù hợp với vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ, hình thành đội ngũ lãnh đạo, quản lý có tầm nhìn chiến lược, năng lực hội nhập quốc tế và khả năng điều hành, phối hợp trong môi trường làm việc số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi mô hình quản trị hiện đại.

- Mở rộng thi tuyển cạnh tranh, minh bạch đối với chức danh lãnh đạo, quản lý; sử dụng nền tảng công nghệ số trong tuyển dụng, đánh giá, bổ nhiệm và đào tạo cán bộ, công chức, viên chức; kiểm tra, giám sát thường xuyên việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; xử lý nghiêm vi phạm và thực hiện khen thưởng, biểu dương kịp thời tập thể, cá nhân xuất sắc, nâng cao chất lượng thực thi công vụ.

6. Thúc đẩy cải cách tài chính công, mở rộng huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực của tỉnh, bảo đảm phục vụ mục tiêu phát triển nhanh và bền vững

- Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; nâng cao tính chủ động trong quản lý, sử dụng và phân bổ nguồn lực; giảm dần sự phụ thuộc ngân sách, đa dạng hóa nguồn thu và nâng cao hiệu quả hoạt động. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong ngân sách, kiểm soát chi, đầu tư công và quản lý tài sản.

- Cơ cấu lại chi ngân sách theo hướng giảm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển, ưu tiên chuyển đổi số, giáo dục, y tế, an sinh xã hội, hạ tầng hiện đại; từng bước chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp đủ điều kiện sang cơ chế tự chủ, bảo đảm sử dụng nguồn lực hiệu quả.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tạo điều kiện xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, nhất là y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; mở rộng đấu thầu, khoán nhiệm vụ, khoán kinh phí, nâng cao chất lượng dịch vụ; ứng dụng công nghệ số trong quản lý tài chính, tài sản công, tăng tính công khai, minh bạch và tăng cường kiểm tra, giám sát, phòng ngừa thất thoát, lãng phí.

7. Đột phá trong chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; phát triển chính quyền số, công dân số, xã hội số

- Triển khai đồng bộ và đột phá chuyển đổi số trong quản lý, điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã; kết nối, liên thông với các nền tảng tích hợp, cơ sở dữ liệu quốc gia, bộ, ngành; nâng cao hiệu quả quản trị công, công khai, minh bạch và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số trong giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; tích hợp thanh toán số, phát triển kinh tế số; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp công nghệ, khai thác dữ liệu số.

- Nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và phổ cập kỹ năng số cho người dân; đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, an toàn thông tin, khai thác dữ liệu; ưu tiên hỗ trợ vùng sâu, vùng xa, thu hẹp khoảng cách số, hướng tới hình thành công dân số và xã hội số toàn diện, bền vững.

- Phát triển đồng bộ hạ tầng số và dữ liệu số của tỉnh; xây dựng, hoàn thiện kho dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở; triển khai hiệu quả Trung tâm điều hành thông minh (IOC) cấp tỉnh; mở rộng các nền tảng số phục vụ điều hành, cảnh báo, giám sát theo thời gian thực; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển chính quyền số và kinh tế số.

8. Lấy cải cách hành chính làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế

- Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng minh bạch, thuận lợi, nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp; duy trì tăng trưởng GRDP trên 8%/năm và tăng dần tỷ trọng kinh tế số.

- Lồng ghép kết quả Chỉ số cải cách hành chính vào hệ thống chỉ tiêu phát triển của tỉnh.

- Phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số để xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư và hội nhập hiệu quả.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết, bố trí đảm bảo kinh phí thực hiện công tác cải cách hành chính, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định. Định kỳ hằng năm, đánh giá kết quả thực hiện và xác định là một tiêu chí đánh giá xếp loại người đứng đầu các sở, ban, ngành, địa phương; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết; chủ trì tham mưu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện việc sơ kết, tổng kết Nghị quyết này.

2. Các cấp ủy đảng trực thuộc, các tổ chức đảng lãnh đạo, chỉ đạo phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết này tới cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân; căn cứ Nghị quyết này và tình hình thực tiễn của địa phương, chỉ đạo chính quyền, cơ quan, đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch thực hiện, trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, phân công trách nhiệm cụ thể để tổ chức thực hiện. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh.

3. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy tham mưu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh chủ động phối hợp với chính quyền các cấp tổ chức tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện và giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

5. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch phổ biến, quán triệt Nghị quyết; chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung của Nghị quyết này.

6. Văn phòng Tỉnh ủy giúp Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư TW Đảng (báo cáo),
- Các ban xây dựng Đảng Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Văn phòng Chính phủ,
- Đảng ủy Bộ Nội vụ,
- Đảng ủy Bộ Khoa học và Công nghệ,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Hầu A Lành